

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phạm Văn Linh^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Hội đồng Lý luận Trung ương.

Email: phamlinh58@yahoo.com

Nhận ngày 18 tháng 4 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2021.

Tóm tắt: Sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Cụ thể, giáo dục và đào tạo của Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng từng bước được nâng lên, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện, mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học,...; khoa học và công nghệ đạt được những thành tựu quan trọng đóng góp đáng kể cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước,... Sở dĩ có được những chuyển biến tích cực và thành tựu quan trọng đó, là bởi vì Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, xác định rõ vị trí và tầm quan trọng của phát triển giáo dục và đào tạo cũng như khoa học và công nghệ; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Tại Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Trong bài viết này, trên cơ sở làm rõ những kết quả và hạn chế trong phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, tác giả bài viết đã chỉ ra những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII so với các Văn kiện trước đó, đặc biệt là Văn kiện Đại hội XII, về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Tác giả khẳng định, những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò to lớn trong định hướng phát triển đất nước.

Từ khóa: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

I. Về giáo dục và đào tạo

1. Kết quả đạt được trong phát triển giáo dục và đào tạo

Kế thừa các văn kiện quan trọng của Đảng trong các giai đoạn trước đây, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời*

kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) đã đưa ra những quan điểm, định hướng lớn về phát triển giáo dục và đào tạo: “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư

cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội”¹. Quan điểm trên không chỉ thể hiện sự phát triển về tư duy, nhận thức, kế thừa chủ trương nhất quán của Đảng ta qua các giai đoạn phát triển, đó là coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Đây là vấn đề mang tính chiến lược xuyên suốt trong sự phát triển của đất nước. Bám sát xu thế phát triển của nhân loại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, Đảng ta luôn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2010 - 2020 xác định: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt”². Các văn kiện quan trọng khác của Đảng, Nhà nước trong nhiệm kỳ đại hội XI, XII tiếp tục cụ thể hóa chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo. Hội nghị Trung ương 6, khóa XI khẳng định: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách”, đòi hỏi phải đổi mới tư duy, đổi mới mục tiêu đào tạo; hệ thống tổ chức, loại hình giáo dục và đào tạo, nội dung, phương pháp dạy và học, cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện đảm bảo..., trong toàn hệ thống, tiếp tục cần được cụ thể hóa trong từng giai đoạn.

Kết quả đạt được trong phát triển giáo dục và đào tạo thể hiện ở những khía cạnh sau:

Một là, thành tựu sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, giáo dục và đào tạo nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Chất lượng từng bước được nâng lên, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện; mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học. Vai trò, vị trí các cơ sở giáo dục, nhất là giáo dục đại học trong hệ thống dần được khẳng định, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đề cao; chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, hệ thống chương trình đã được đổi mới, chú trọng phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực cũng được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh... Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo. Hợp tác quốc tế được tăng cường theo hướng chủ động, tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, cũng như yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.77.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Sđđ.*, tr.131.

Nhờ những kết quả trên, quy mô nguồn nhân lực được mở rộng, lực lượng lao động tăng từ 50,4 triệu người năm 2010 lên khoảng 54,6 triệu người năm 2020 với cơ cấu hợp lý hơn, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện đáng kể, phù hợp với nhu cầu thị trường. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% năm 2010 lên 64% năm 2020. Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% năm 2010 lên 24,5% vào năm 2020³.

Hai là, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong phát triển giáo dục và đào tạo, như nhận thức về triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới, vai trò và sứ mạng của giáo dục chưa đủ sâu sắc, chưa làm rõ được tính ưu việt của nền giáo dục cách mạng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện, công cụ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin chưa thực sự hiệu quả; vấn đề rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng học tập, kỹ năng giải quyết vấn đề trong một số nhà trường vẫn chưa thật sự được chú trọng. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hóa tương xứng, còn nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành, chưa thực sự chú ý kỹ năng mềm cho người học. Đầu tư cho giáo dục chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Công tác quản lý các cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ sở liên kết giáo dục còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước...

Ba là, những kết quả và hạn chế trong giáo dục và đào tạo của nhiệm kỳ Đại hội XII đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng. Một số kết quả chính, như mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô. Việt Nam là quốc gia luôn ưu tiên đầu tư cho giáo dục, 5 năm 2016 - 2021, ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực này đạt khoảng 20% tổng chi ngân sách. Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới được ban hành và đang tích cực triển khai; phương pháp giảng dạy và học tập có bước đổi mới. Giáo dục mầm non đạt chuẩn phổ cập cho trẻ em 5 tuổi và giáo dục phổ thông có chuyển biến tốt, được thế giới công nhận. Công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực chất, hiệu quả hơn. Quản lý, quản trị đại học có bước đổi mới, chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên. Giáo dục nghề nghiệp có nhiều chuyển biến. Cơ chế, chính sách tài chính cho giáo dục và đào tạo từng bước đổi mới. Cơ chế tự chủ, cơ chế cung ứng dịch vụ công trong giáo dục và đào tạo được thể chế hóa và đạt kết quả bước đầu. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, ngành giáo dục và đào tạo đã tiếp cận dạy và học trực tuyến qua internet, truyền hình với nhiều hình thức khác nhau.

³ Xem: Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần sớm khắc phục, như: Đổi mới tư duy, hoạt động giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra; một số nhiệm vụ, giải pháp đổi mới còn thiếu hệ thống, chưa ổn định. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo chưa cao. Hệ thống giáo dục và đào tạo chưa đảm bảo tính đồng bộ và liên thông giữa các trình độ, các phương thức đào tạo; nội dung, chương trình vẫn còn nặng lý thuyết, chưa chú trọng đến thực hành. Đào tạo vẫn thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức đến phát triển phẩm chất và kỹ năng người học. Giáo dục “làm người”, đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trên một số mặt vẫn còn bất cập về số lượng và chất lượng. Quản lý nhà nước, quản lý - quản trị nhà trường còn nhiều hạn chế...

2. Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về giáo dục và đào tạo

Thứ nhất, về đề mục, các văn kiện lần này, như trong Báo cáo Chính trị tập trung đề cập đến giáo dục và đào tạo ở mục V, so với Đại hội XII, tên đề mục đã thay cụm từ “*phát triển*” bằng cụm từ “*nâng cao*” chất lượng nguồn nhân lực và thêm cụm từ “*phát triển con người*”. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, vấn đề này được đề cập ở tiểu mục 3, phần V, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế -

xã hội, với tiêu đề: *Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế*. Điểm mới này trực tiếp đề cập đến giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, trước đây chỉ nhấn mạnh “*phát triển nhanh giáo dục và đào tạo*”.

Thứ hai, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải “*xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước*”⁴. Trước đây các văn kiện chỉ đề cập phương hướng chung: “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu*”. Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “*chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”⁵; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.136.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sdd.*, t.I, tr.136.

Thứ ba, giáo dục và đào tạo thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, do vậy phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Theo đó, phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Các văn kiện trước đây chỉ đề cập: “*Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức*”, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động.

Thứ tư, cụ thể hóa yêu cầu hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu sắp xếp lại hệ thống trường học, phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó

khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các đối tượng chính sách. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đặc biệt chú trọng giáo dục mầm non, tiểu học trong điều kiện mới, tạo tiền đề và bảo đảm điều kiện thuận lợi, để mỗi người dân đều được thụ hưởng một cách công bằng thành quả của nền giáo dục. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới. Có chính sách đột phá phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. “*Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới*”⁶. Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, như thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, chú trọng xây dựng nền tảng kỹ năng nhận thức và hành vi cho học sinh phổ thông; nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh; đẩy mạnh phân luồng sau trung

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.234.

học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; nghiên cứu để hoàn thiện, ổn định hệ thống sách giáo khoa và chế độ thi cử ở các cấp học.

Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Văn kiện chỉ rõ: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”⁷.

Thứ sáu, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. “Lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh phổ thông, trước hết là đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở”⁸. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế của thế giới và điều kiện của Việt Nam trên cơ sở bảo đảm công bằng xã hội và các giá trị cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhấn mạnh hơn yêu cầu thực hiện có hiệu

quả các chính sách xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ một số trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện; thí điểm cơ chế cho thuê một số cơ sở giáo dục sẵn có theo nguyên tắc bảo đảm tất cả học sinh được đến trường.

Thứ bảy, tiếp tục hoàn thiện các khâu, các yếu tố của quá trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ chuyên môn trong giáo dục và đào tạo, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện và thực hiện ổn định các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Thứ tám, đặt mục tiêu Việt Nam tham gia thị trường đào tạo nhân lực quốc tế, vì vậy yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo, chú trọng “gắn kết chặt chẽ giáo dục

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđđ.*, t.I, tr.233.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđđ.*, t.I, tr.138.

và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh”⁹. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt, sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Phần đầu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

II. Về khoa học và công nghệ

1. Vị trí, vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ đối với phát triển đất nước

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (2011) khẳng định: “Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại (...). Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới”¹⁰. Điều này thể hiện sự tiếp tục phát triển nhận thức, các quan điểm lớn về phát triển khoa học, công nghệ trong các giai đoạn trước đây, từ Cương lĩnh năm 1991, Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII cho đến hiện nay. Đặc biệt là trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, lĩnh vực nghiên

cứu ứng dụng và triển khai về khoa học và công nghệ được coi trọng.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2010 - 2020 xác định: “Hướng trọng tâm hoạt động khoa học, công nghệ vào phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển chiều sâu góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế”¹¹. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Bên cạnh đó, các văn kiện quan trọng của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ trong các nhiệm kỳ đại hội XI, XII đã được cụ thể hóa, như hệ thống pháp luật, chính sách phát triển khoa học và công nghệ ngày càng hoàn thiện, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên.

Những kết quả đạt được trong phát triển khoa học và công nghệ thể hiện ở những nội dung sau:

Một là, thành tựu trong phát triển khoa học và công nghệ sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 đó là khoa học và công nghệ đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng chống thiên tai, bảo vệ môi

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.138.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.78.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Sđd.*, tr.132.

trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước. Cả nước có 15 sản giao dịch công nghệ, 50 vườn ươm công nghệ, 186 tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động, với hơn 3000 doanh nghiệp khởi nghiệp, 40 quỹ đầu tư mạo hiểm, 40 khu không gian làm việc chung, 30 cơ sở ươm tạo doanh nghiệp và 10 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; thị trường công nghệ, hệ thống sở hữu trí tuệ từng bước được hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh. Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng với tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế đạt gần 50%. Các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ ở 63 tỉnh, thành phố được đầu tư nâng cấp. Đã có nhiều chuyển biến tích cực trong hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Cơ chế, chính sách thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp về khoa học cho đất nước được hoàn thiện hơn.

Hai là, những hạn chế, yếu kém thậm chí là điểm nghẽn trong nhận thức và tổ chức thực hiện, như nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ tuy đã được nâng lên, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu trở thành nền tảng, là quốc sách, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều nhiệm vụ nghiên cứu chưa bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống. Đóng góp của khoa học và công nghệ cho tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội còn nhiều bất cập. Một số quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương chưa

dựa trên cơ sở đánh giá chuyên sâu về khoa học.

Một số chỉ tiêu lớn về khoa học và công nghệ được nêu trong các văn bản quan trọng của Đảng, Nhà nước chưa đạt được yêu cầu, như đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; tác động của khoa học, công nghệ đối với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Năng suất lao động trong nhiều ngành kinh tế của Việt Nam còn rất thấp. Chưa thực sự có giải pháp đột phá trong phát triển nội bộ ngành.

Ba là, quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ nhiệm kỳ Đại hội XII, đặt ra yêu cầu phải xác định rõ định hướng mới cho lĩnh vực này trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng. Về thành tựu: Khoa học và công nghệ từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được tăng cường. Hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ được nâng lên, tạo chuyển biến tích cực cho hoạt động đổi mới và khởi nghiệp sáng tạo. Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đóng góp tích cực hơn trong nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị góp phần tích

cực cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách, bảo vệ, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, con người Việt Nam. Một số cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý khoa học và công nghệ bước đầu phát huy tác dụng. Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có bước đổi mới.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, yếu kém, như việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế, nhất là công nghệ cao. Tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng cơ chế, chính sách cán bộ trong hoạt động khoa học và công nghệ còn nặng về hành chính, chưa tạo được môi trường thuận lợi để phát huy sức sáng tạo, thu hút nhân tài. So với yêu cầu phát triển của đất nước, đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, chưa hiệu quả. Hệ thống thông tin, thống kê khoa học và công nghệ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phục vụ việc xây dựng chiến lược, chính sách. Bảo hộ sở hữu trí tuệ chưa đạt yêu cầu. Chưa gắn kết chặt chẽ khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ và khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị...

2. Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về khoa học và công nghệ

Thứ nhất, về đề mục, các văn kiện lần này, như Báo cáo Chính trị tập trung đề cập ở mục VI, với tiêu đề: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyên giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, so với Đại hội XII, tiêu đề thêm cụm từ: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyên giao và đặt lên

trên để nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, vấn đề này được trình bày ở điểm 2, mục V - phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, với tiêu đề: *Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*. So với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 - 2020, vấn đề này được trình bày ở điểm 10, mục IV - Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, trong đó tiêu đề được xác định là: *Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững*.

Thứ hai, các Văn kiện lần này tiếp tục làm rõ nội dung, yêu cầu: “Có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”¹². Tiếp tục quán triệt, thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ ba, đã cụ thể hóa hơn các ngành khoa học cần chú trọng trọng phát triển, đó là: Khoa học tự nhiên, khoa học - kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.140.

nhân văn, đặc biệt, lần đầu tiên *khoa học lý luận chính trị được nhấn mạnh đậm nét*. Đồng thời, Văn kiện đề cập cụ thể hơn yêu cầu đối với các lĩnh vực khoa học, theo đó thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội; khơi dậy sức sáng tạo, nâng cao trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt trong công tác nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn. Gắn kết chặt chẽ khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ trong quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong bối cảnh đất nước hiện nay, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng rất coi trọng *ưu tiên chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ* vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển con người; rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ gắn với đổi mới toàn diện chính sách nhân lực khoa học và công nghệ, ưu tiên thu hút nhân tài, các nhà khoa học có tâm huyết với công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước.

Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, Internet vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội.

Thứ tư, Văn kiện Đại hội XII nêu: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ. Văn kiện lần này thay từ *cơ chế bằng thể chế: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ thể chế, chính sách ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ*. Chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính khoa học và công nghệ theo nguyên tắc đặt hàng, dựa vào kết quả, hiệu quả cuối cùng. Các ngành, các cấp có trách nhiệm trong việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào lĩnh vực theo quy định. Văn kiện nhấn mạnh: *Phạm vi tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhất là nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo, cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới. “Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ”¹³. Xác định rõ các chỉ tiêu, chương trình hành động để ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương.*

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.226.

Năm là, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, lấy nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển con người làm mục tiêu. “Tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ”¹⁴. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Có chính sách hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đa dạng hóa hợp tác quốc tế, ưu tiên các đối tác chiến lược. Gắn hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh. Đồng thời, Văn kiện xác định rõ *trọng tâm hợp tác quốc tế* về khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới, đó là: “Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến”¹⁵, gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác kinh tế quốc tế. Phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài.

Sáu là, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ hơn nguyên tắc trong chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính khoa học và công nghệ là: *Theo*

nguyên tắc đặt hàng, dựa vào kết quả, hiệu quả cuối cùng. Tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và các cá nhân. Hỗ trợ khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp *đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ*. Các ngành, các cấp có trách nhiệm trong việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Trọng tâm đổi mới cơ chế hoạt động và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Lấy việc nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế là *tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của khoa học, công nghệ*. Tạo thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu khoa học, công nghệ công lập. “Cơ cấu lại, nâng cao năng lực, hiệu quả các cơ sở nghiên cứu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường”¹⁶. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo ra công nghệ mới.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.142.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.230.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.228.

Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản, tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành và lĩnh vực then chốt. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, triển khai, trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa kết quả. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ; thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng nghiên cứu các đề tài khoa học, công nghệ.

Bảy là, để phát huy và tăng cường *tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia*, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định cụ thể hơn, đó là: Phát triển một số ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn, trực tiếp góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực của đất nước. Nâng cao năng lực hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, cơ cấu lại các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lấy phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc làm mục tiêu. Phát triển hạ tầng số và bảo đảm an ninh mạng, tạo điều kiện cho người dân và các doanh nghiệp thuận lợi, an toàn tiếp cận nguồn tài nguyên số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn. Văn kiện nhấn mạnh *vị trí doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo*. Một số lĩnh vực công nghệ được ưu tiên phát triển trong thời gian tới. Theo đó, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ

thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%; phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.

Có thể khẳng định, những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò to lớn trong định hướng phát triển đất nước, chuẩn bị cho kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng với mục tiêu Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Để đạt được mục tiêu đó, vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có vị trí then chốt, vì thế quan điểm của Đảng về các vấn đề này trong các văn kiện trình Đại hội XIII có ý nghĩa như sau:

Một là, khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta coi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm đưa Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới.

Hai là, thể hiện sự nhanh nhạy của Đảng, Nhà nước Việt Nam, thích ứng với xu thế thời đại, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu của khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo trên thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Ba là, tiếp tục làm sáng tỏ hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có lộ trình và bước đi phù hợp, lấy con người là trung tâm, trên nền tảng của sự phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. □